TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST Ngày 28-7-2017 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Yến;

2. Ông Nguyễn Khắc Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1990, địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức C, sinh năm 1991, địa chỉ: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 08-5-2017, Bản tự khai ngày 16-5-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ tháng 9-2008, khi đó do chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nên đến tháng 04-4-2013, chị và anh C mới đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được hơn 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Anh C thường xuyên gây gổ với chị và nhiều khi còn đánh dập,

chửi bới chị. Nguyên nhân là do chị và anh C luôn bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng luôn nghi ngờ, thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm; anh C sống thiếu trách nhiệm với vợ con, không lo toan kinh tế giúp đỡ gia đình. Chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng sống hòa thuận vì con cái, nhưng anh C không thay đổi phong cách sống, vẫn xúc phạm, chửi bới chị. Mâu thuẫn vợ chồng liên tiếp diễn ra, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị và anh C cãi nhau ngày càng nhiều. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải anh chị, nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2017 cho đến nay, chị và anh C đã sống ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do thời gian mâu thuẫn kéo dài và bị bạo hành nên chị đã không còn tình cảm với anh C. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

- Về nuôi con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Bùi Đức Trọng Q, sinh ngày 04-6-2009. Hiện nay, chị làm công nhân tại Công ty TNHH Nam Hoa, có mức lương ổn định là 4.013.000 đồng/một tháng và có tiền thưởng theo sản phẩm hàng tháng trung bình là 1.000.000 đồng/một tháng nên có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, chị nhận nuôi cháu Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 12-6-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Bùi Đức C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị G được gia đình tổ chức đám cưới từ tháng 9-2008, nhưng đến tháng 04-4-2013, anh chị mới đi đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị sống cùng với bố mẹ đẻ anh. Đến tháng 8-2013, anh chị đi thuê nhà để ở riêng. Anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, luôn nghi ngờ nhau về tình cảm. Anh phát hiện trong máy điện thoại của chị G thường có những tin nhắn lạ của người đàn ông khác, anh hỏi được chị G giải thích là chỉ là trêu đùa thôi, không có gì cả. Anh đã khuyên chị G, nhưng sau đó vẫn thấy có tin nhắn đến. Từ đó, anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau. Nhiều khi do nóng giận nên anh đã tát chị G, việc này chỉ mang tính răn đe, để chị G sợ không lập lại việc nhắn tin cho người khác nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải anh chị để sống hòa thuận, nhưng không có kết quả. Từ tháng 4-2017, anh và chị G đã sống ly thân cho đến nay. Nay anh thấy vẫn còn tình cảm với chị G nên đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị được đoàn tụ, cùng nuôi dạy con chung.

- Về nuôi con chung: Anh và chị G và có 01 con chung là cháu Q như chị G nêu. Nếu chị G nhất quyết xin ly hôn với anh thì anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Q, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm nghề phụ xây, thu nhập trung bình một tháng là 7.500.000 đồng. Anh chi tiền thuê nhà 500.000 đồng/một tháng, ăn uống sinh hoạt hàng tháng là: 3.500.000 đồng/một tháng, chi tiêu cho sinh hoạt khác: 2.000.000 đồng/một tháng. Số tiền còn lại: 1.500.000 đồng có thể nuôi được cháu Q.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị G vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh C, đề nghị được nuôi cháu Q, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; anh C xin đoàn tụ, nhưng nếu chị G vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý và nhận nuôi cháu Q, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị G và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị G xin ly hôn với anh C.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu Q cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị G và anh C không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là anh Bùi Đức C cư trú tại: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận Đ, thành phố Hải Phòng năm 2013. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3]. Xét tình trạng hôn nhân: Chị G và anh C chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị G, anh C bất đồng quan điểm trong đời sống hàng ngày, nghi ngờ và thiếu niềm tin vào nhau về tình cảm. Nên chị G và anh C thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau. Sự mâu thuẫn này ngày càng lớn mà tự anh chị không thể hòa giải được, mặc dù cùng ở một nhà, nhưng cả hai sống ly thân. Đến đầu năm 2017 chị G đã thuê nhà

ra ở riêng. Các tài liệu xác minh thể hiện tình trạng hôn nhân của chị G và anh C có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh C xin được đoàn tụ, nhưng trên thực tế anh C luôn có hành vi bạo lực như việc đánh chị G, nhiều lần đe dọa chị G. Hành vi của anh C đã gây tâm trạng hoang mang, lo lắng cho chị G. Tại phiên tòa, anh C cũng thừa nhận trong quá trình chung sống với chị G, nhiều lúc nóng giận, ghen tuông, anh không kìm chế được, anh đã đánh chị G nhiều lần. Có thể thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị G.

[4]. Về nuôi con chung: Chị G và anh C có 01 con chung là Bùi Đức Trọng Q, sinh ngày 04-6-2009. Tại các phiên hòa giải ngày 05-7-2017, ngày 11-7-2017 và tại phiên tòa, chị G và anh C đều đề nghị được nuôi cháu Q, cả chị G và anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Xét thấy: Cháu Q đã hơn 8 tuổi, theo khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình cần phải xem xét nguyện vọng của cháu Q. Trong Đơn đề nghị ngày 15-5-2017, cháu Q nêu nguyện vọng được ở với chị G. Chị G hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, có các điều kiện cần thiết khác để nuôi dạy con. Đối với anh C, anh thừa nhận 03 tháng nay không có công việc ổn định, tài liệu trong hồ sơ vụ án cũng thể hiện đặc thù công việc của anh C không thường xuyên, có việc thì làm, mưa thì nghỉ. Nên việc giao cháu Q cho chị G nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là cần thiết, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q.

[6]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: chị G không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị G và anh C có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7]. Về tài sản chung: Chị G và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[9]. Về quyền kháng cáo: Chị G và anh C được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị G được ly hôn anh Bùi Đức C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Đức Trọng Q, sinh ngày 04 tháng 6 năm 2009 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị G và anh C có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị G đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số AA/2010/7215 ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị G và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường M;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường